ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 527/UBND-TH V/v xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.	*Phú Thiện, ngày 21 tháng 5 năm 2020*

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch

Thực hiện Công văn số 1121/SKHĐT-TTXTĐT ngày 18/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025; UBND huyện có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn khẩn trương rà soát lại tất cả danh mục đã đăng ký tại giai đoạn 2020-2021 để đề xuất danh mục kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện. Thời gian hoàn thành và gửi về UBND huyện **trước ngày 28/5/2020.**

(Gửi kèm Công văn số 1121/SKHĐT-TTXTĐT ngày 18/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh)

Nhận được Công văn này, yêu cầu Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, cvN.

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

Người ký: Ủy ban Nhân dân huyện Phú Thiện
Email: ubnd.phuthien@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 21.05.2020 16:38:53 +07:00

Nguyễn Thị Phúy Mui

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số:1121/SKHĐT-XTĐT
V/v xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 18 tháng 5 năm 2020

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 (*có gửi kèm*).

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ tình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tiềm năng thế mạnh của địa phương đề xuất các dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn với đầy đủ thông tin biểu mẫu kèm theo.

Trong năm 2019, khi xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư tỉnh Gia Lai giai đoạn 2020-2021 đã gặp những khó khăn do những nguyên nhân sau: Một số đơn vị đề xuất danh mục dự án có quy mô, vốn quá nhỏ; lĩnh vực kêu gọi đầu tư chưa phù hợp với định hướng của tỉnh; thiếu các thông tin theo yêu cầu; chậm trễ gửi Văn bản đăng ký danh mục về Sở (Sở đã nhiều lần có Văn bản nhắc nhở).

Để việc thẩm định và trình phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2015 của Sở đạt hiệu quả, đề nghị các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, khẩn trương triển khai thực hiện, rà soát lại tất cả các danh mục đã đăng ký giai đoạn 2020-2021, để đề xuất danh mục kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021-2025 theo ngành, lĩnh vực, địa bàn và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/6/2020 để sở tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Lưu ý: Các thông tin do các đơn vị cung cấp phải đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời gian, tránh lặp lại những tồn tại như trong năm 2019.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, XTĐT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH GIA LAI

Hồ Phu Thành
18.05.2
15:51:3
+07:00

Hồ Phước Thành

Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai
ubndtinh@gialai.gov.vn
Tỉnh Gia Lai
04.05.2020 16:54:20 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 09 /CT-UBND	*Gia Lai, ngày 04 tháng 5 năm 2020*

CHỈ THỊ
Về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2015 Đại hội đại biểu lần thứ XV Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 148/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện các chỉ tiêu đạt được giai đoạn 2011-2015, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm 2016-2020, Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm 2016-2020, trong bối cảnh thế giới có những yếu tố thuận lợi, khó khăn đan xen, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tỉnh ta cũng bị ảnh hưởng do biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, giá cả nông sản giảm, an ninh trật tự tiềm ẩn những yếu tố phức tạp... Song, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, cơ bản hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm 2016-2020 đã đề ra, đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế- xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Trong giai đoạn tới, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường trong khi đó kinh tế trong nước nói chung và tỉnh ta nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững, nhất là diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19. Do đó, nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn 2021-2025 là rất nặng nề. Để tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được, vượt qua các khó khăn thách thức, tạo tiền đề cho việc phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn tiếp theo; thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND các huyện, thị xã, thành phố gọi tắt là địa phương) và các doanh nghiệp nhà nước (gọi tắt là doanh nghiệp) tập trung triển khai các nội dung sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025.

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020:

Các sở, ban, ngành, và địa phương, doanh nghiệp đánh giá toàn diện việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý theo thẩm quyền; trong đó, cần bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh số 148/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015,

Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 148/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X- kỳ họp thứ 11 về tình hình thực hiện các chỉ tiêu đạt được giai đoạn 2011-2015; kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm 2016-2020 của tỉnh; đánh giá đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt nêu rõ được các thành tựu nổi bật của giai đoạn 2016-2020), các yếu kém, khó khăn, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm và bài học kinh nghiệm để có biện pháp khắc phục cho giai đoạn tới, trong đó có đánh giá các tác động của thiên tai, dịch bệnh như đại dịch Covid-19. Các nội dung cần tập trung đánh giá bao gồm:

1.1. Các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong tỉnh đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND các cấp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, trong đó làm rõ các kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu và các định hướng phát triển đề ra, các khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch.

1.2. Tình hình thực hiện chủ trương, chính sách tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh theo từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Trong đó tập trung:

a) Phân tích chất lượng tăng trưởng kinh tế theo ngành, lĩnh vực trọng tâm (cấp tỉnh), phân tích chất lượng phát triển của các ngành sản xuất (cấp huyện).

b) Thực hiện cơ cấu lại từng ngành, lĩnh vực và ở từng địa phương (đầu tư công, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, ngân sách nhà nước, khu vực công...); khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực (phân tích cho từng sản phẩm chủ yếu, chủ lực); việc khai thác và sử dụng các nguồn lực, nhất là đất đai, tài nguyên khoáng sản, nước, du lịch...

c) Nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; năng lực sản xuất tăng thêm trong giai đoạn 2016-2020.

1.3. Tình hình thực hiện các đột phá lớn về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển, nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; đổi mới giáo dục đào tạo gắn với phát triển, tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ (giao thông, thủy lợi, năng lượng, thương mại, giáo dục, y tế...).

1.4. Tình hình và kết quả thực hiện các cân đối về thu chi ngân sách nhà nước; xuất nhập khẩu; nợ chính quyền địa phương.

1.5. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển, như: vốn ngân sách nhà nước; vốn trái phiếu Chính phủ; vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; vốn đầu tư của doanh nghiệp; vốn từ khu vực dân cư; vốn đầu tư từ khu vực tư nhân; vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); vốn huy động khác.

1.6. Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, như: công tác bảo đảm an sinh xã hội; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tạo việc làm; thông tin, văn hóa; thể dục

thể thao; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; phòng, chống tệ nạn xã hội, nạn tin giả; phòng, chống cháy nổ;...

1.7. Tình hình thực hiện công tác quy hoạch và phát triển vùng, liên kết vùng; phát triển đô thị; chương trình phát triển nhà ở; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đối với cấp huyện đánh giá nhiệm vụ quy hoạch, chương trình mục tiêu quốc gia của địa phương mình.

1.8. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai và thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; ngăn ngừa và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường...

1.9. Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị, an toàn không gian mạng và trật tự an toàn xã hội; triển khai hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm an ninh trật tự trên các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm.

1.10. Tình hình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật; tình hình thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp, thực hiện và xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương; sắp xếp và tinh gọn bộ máy; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;...

1.11. Kết quả trong công tác chỉ đạo, phối hợp và tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020 trong từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

Căn cứ đặc điểm, tình hình và lĩnh vực, địa bàn quản lý, các sở, ban, ngành và địa phương, doanh nghiệp trong tỉnh tiến hành đánh giá, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp và đầy đủ với tình hình của đơn vị và địa phương.

2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 xây dựng trong bối cảnh tình hình thế giới những năm tới sẽ tiếp tục diễn biến hết sức khó lường. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các thách thức về an ninh; những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp đặc biệt là đại dịch Covid 19...; cạnh tranh kinh tế, thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng gay gắt... là những yếu tố có tác động tới phát triển kinh tế đất nước nói chung và của tỉnh nói riêng.

Đối với tỉnh ta, kế thừa những thành tựu đã đạt được, những kinh nghiệm từ thực tiễn, tranh thủ tối đa tiềm năng và lợi thế về phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo; khai thác có hiệu quả Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh và các tuyến đường: Hồ Chí Minh, Đông Trường Sơn, Quốc lộ 14, 19; phát triển mạnh du lịch gắn với khai thác tiềm năng, lợi thế về rừng, các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của địa phương; phối hợp, liên kết với các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh vùng duyên hải miền Trung, với cả nước và quốc tế để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội là những

nhân tố thuận lợi cơ bản trong thời gian đến. Tuy nhiên, Gia Lai vẫn đang đối mặt với những khó khăn, thách thức không nhỏ đó là quy mô nền kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh và hội nhập với nền kinh tế còn thấp, chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng còn khá lớn, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp.

Tất cả những yếu tố nói trên sẽ tác động không nhỏ đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh trong kế hoạch 5 năm 2021 - 2025, đòi hỏi cả hệ thống chính trị phải đoàn kết, ra sức phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức để hội nhập, phát triển, giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả và bền vững; nâng cao chất lượng tăng trưởng. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh dựa trên cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kinh tế thị trường. Tập trung phát triển các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo, du lịch. Tiếp tục xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm, nhất là thành phố Pleiku và các khu vực có khả năng phát triển cao để thức đẩy phát triển các vùng, địa phương trong toàn tỉnh. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực kinh tế. Xây dựng Gia Lai trở thành trung tâm của khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV).

2.2. Mục tiêu chủ yếu: Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh tăng bình quân 9,5% trở lên; phấn đấu chỉ số năng lực cạnh trang cấp tỉnh (PCI) của tỉnh đến năm 2025 nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành có chỉ số PCI tốt nhất cả nước; Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020) đến năm 2025 giảm xuống dưới 1%; đến năm 2025 có 120 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 7 địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Các sở, ban, ngành địa phương căn cứ vào tình hình thực tế, xây dựng các chỉ tiêu của ngành, lĩnh vực và địa phương mình. Chỉ tiêu xây dựng phải hợp lý phù hợp với phương án tăng trưởng (có biểu phụ lục I kèm theo).

2.3. Định hướng phát triển và các nhiệm vụ chủ yếu:

- Thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh dựa trên cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân. Phát huy nội lực và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài, xây dựng thương hiệu và tham gia có hiệu quả vào cách mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, phục hồi sản xuất kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế sau dịch bệnh, cụ thể như sau:

+ Tăng cường thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tự động, thông minh. Triển khai cơ chế, chính sách thực hiện tích tụ tập trung ruộng đất để cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển các vùng thâm canh, chuyên canh nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao. Xây dựng các vùng cây trồng, vật nuôi hàng hóa có lợi thế so sánh gắn với chế biến sâu sản phẩm xuất khẩu. Xây dựng mạng lưới phân phối tiêu thụ và xây dựng thương hiệu sản phẩm trên thị trường quốc tế. Không mở rộng thêm diện tích và chuyển đổi

tích cực các diện tích lúa, cao su, hồ tiêu, mía kém hiệu quả ở những nơi chịu ảnh hưởng mạnh của biến đổi khí hậu (khô hạn, thiếu nước tưới,...) sang cây ăn quả, rau củ quả, trồng cỏ chăn nuôi, trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn, gỗ quý... Thúc đẩy sản phẩm chủ lực OCOP (mỗi xã, phường một sản phẩm) của tỉnh gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng hợp tác xã. Đề nghị Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí kinh phí và đầu tư công trình thủy lợi Ia Tul để khai thác hiệu quả các quỹ đất vùng hạn, khai thác tốt vùng tưới công trình thủy lợi Ia Mơr khi được Quốc hội thông qua.

+ Phát triển công nghiệp chế biến, ưu tiên tập trung phát triển các nhà máy chế biến sản phẩm từ nông nghiệp; phát triển năng lượng tái tạo, công nghiệp năng lượng tái tạo phù hợp với lợi thế của tỉnh. Tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm; khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

+ Hình thành, phát triển chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh. Triển khai các giải pháp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong hoạt động xuất nhập khẩu; tăng tỷ trọng xuất khẩu qua chế biến đối với các mặt hàng chủ lực của tỉnh, gắn với xây dựng thương hiệu. Tổ chức tốt thị trường lưu thông hàng hóa, đảm bảo cung cầu hàng hóa, các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thị trường; xử lý kịp thời các hành vi gian lận thương mại, buôn lậu, hàng giả, đặc biệt là lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình số 43-CTr/TU ngày 26/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng phát triển dịch vụ. Đẩy mạnh công tác xúc tiến du lịch, khuyến khích liên kết vùng. Chú trọng phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn, du lịch văn hóa - lịch sử, tâm linh... theo hướng bền vững. Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch.

+ Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 - 2020; phấn đấu chỉ số PCI của tỉnh đến năm 2025 nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành có chỉ số PCI tốt nhất cả nước. Chú trọng phát triển kinh tế tư nhân, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp hình thành, phát triển, có năng lực cạnh tranh trên thương trường trong nước và quốc tế; đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; có giải pháp, cơ chế hỗ trợ để thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế đến đầu tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương. Thu hút vốn FDI, xây dựng các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển của tỉnh

- Tăng cường huy động các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư và hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) để tập trung phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, có hệ thống, có trọng điểm, kết nối với các trung tâm kinh tế lớn và các trục giao thông

đầu mối; phối hợp với các địa phương kiến nghị Trung ương bố trí nguồn lực và đẩy nhanh tiến trình đầu tư tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Kon Tum, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Bình Định và các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung. Hình thành và phát triển mạng lưới đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn tỉnh theo định hướng quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch liên quan.

- Đảm bảo khai thác các nguồn thu địa phương một cách hợp lý tích cực, bền vững phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của từng địa phương. Nâng dần tỷ lệ tự cân đối, giảm phần bổ sung từ ngân sách cấp trên; đảm bảo cân đối ngân sách tích cực, phấn đấu tốc độ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân từ 11 - 13%.

- Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kĩ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nâng cao vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong đào tạo. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng. Đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện các chính sách lao động, việc làm tiến tới phát triển thị trường lao động. Chủ động, tích cực phòng chống dịch bệnh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát huy các di sản văn hóa dân tộc. Phát triển và nâng cao chất lượng báo chí, truyền thông. Thực hiện tốt chính sách dân tộc và tôn giáo; bình đẳng giới. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục thanh thiếu niên và bảo vệ quyền lợi của trẻ em; phát triển thanh niên.

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí

II. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025

1. Những yêu cầu trong tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020.

a) Việc đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 cần bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết của Chính phủ và các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của cấp ủy, Hội đồng nhân dân các cấp, dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Đại hội Đảng

bộ các địa phương, các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND các cấp về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và kế hoạch hằng năm.

b) Việc tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 phải huy động, phát huy được sự phối hợp của cả bộ máy tổ chức nhà nước, các cơ quan khoa học, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các hiệp hội và cộng đồng dân cư.

c) Việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 phải bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát, đúng thực tiễn và có sự so sánh với kết quả thực hiện của giai đoạn 2011-2015. Số liệu đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 sử dụng theo số liệu do Cục Thống kê cung cấp (trừ các số liệu thống kê do ngành thực hiện).

2. Những yêu cầu trong xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021- 2025.

a) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của tỉnh phải xây dựng bám sát các Nghị quyết của cấp ủy, HĐND các cấp, sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh và phù hợp với Quy hoạch vùng Tây Nguyên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của các ngành, lĩnh vực và địa phương phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo pháp luật về quy hoạch; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của tỉnh, bảo đảm tính kết nối vùng, kết nối với các địa phương lân cận; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng huyện, thị xã, thành phố.

c) Các mục tiêu, định hướng và giải pháp, chính sách phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; cần phân tích, đánh giá, lựa chọn và sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; bảo đảm lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững theo kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030, các nội dung về phòng chống thiên tai biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, kế hoạch được xây dựng phải phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương.

Các mục tiêu, chỉ tiêu được tính toán, dự báo dựa trên số liệu giai đoạn 2016-2020 được đánh giá lại, điều chỉnh quy mô kinh tế.

d) Việc xây dựng giải pháp tổ chức thực hiện bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp.

đ) Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong quá trình xây dựng kế hoạch.

3. Kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm

Kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 -2025 và Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo đảm việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 có chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả.

III. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 – 2025 VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 -2025 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương trước ngày 15/5/2020.

b) Chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê và các sở, ban, ngành, địa phương tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế cho 5 năm 2021-2025, trước ngày 15/6/2020.

c) Tổng hợp và xây dựng dự thảo báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 trình UBND tỉnh trước ngày 15/7/2020 và gửi dự thảo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31/7/2020, hoàn chỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2020.

d) Tổng hợp và xây dựng dự thảo Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trình UBND tỉnh trong tháng 02/2021.

đ) Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; tổ chức làm việc với các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp nếu cần thiết.

2. Cục Thống kê tỉnh:

- Hướng dẫn chuyển đổi năm 2020 là năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh.

- Cung cấp số liệu về chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh và các số liệu thống kê khác từ năm 2015-2019 và phối hợp với các ngành dự ước năm 2020 để làm cơ sở tính toán các chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu lập dự toán ngân sách nhà nước, trong đó bảo đảm chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước ở mức hợp lý, báo cáo UBND tỉnh trước 15/6/2020.

b) Bố trí kinh phí trong dự toán chi ngân sách nhà nước để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, bảo đảm nâng cao chất lượng các báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

4. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp của tỉnh:

a) Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương phụ trách; Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương phụ trách.

Các địa phương phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê rà soát, dự báo năm 2020 và ước thực hiện cả giai đoạn 2016-2020, trên cơ sở đó để xây dựng chỉ tiêu này cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Đối với chỉ tiêu giá trị sản xuất trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố; các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ với Chi cục Thống kê để tính cho các năm và cả giai đoạn 2021-2025.

b) Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh, trình cấp có thẩm quyền; đồng thời, báo cáo các cơ quan cấp trên theo tiến độ quy định; gửi dự thảo báo cáo kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương đến Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 01 tháng 7 năm 2020.

c) Các doanh nghiệp xây dựng, trình chủ sở hữu xem xét, phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm 2021-2025.

d) Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan liên quan, bao gồm các cơ quan nghiên cứu, các chuyên gia... về dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021- 2025 nhằm tạo sự đồng thuận cao, trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Yêu cầu giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; giám đốc doanh nghiệp nhà nước và thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

CHỦ TỊCH

Võ Ngọc Thành

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp nhà nước;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, CV các khối, KTTH.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Chỉ thị số 09 /CT-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016-2020	THỰC HIỆN TỪNG NĂM					THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016- 2020	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN VỚI MỤC TIÊU 2016-	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025	CƠ QUAN BÁO CÁO
				2016	2017	2018	2019	2020				
A	**VỀ KINH TẾ**											Cục Thống kê
1	Tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân/năm (theo giá so sánh năm 2010)	%	7,5									Cục Thống kê
2	Tổng sản phẩm trong tỉnh (giá hiện hành)	Tỷ đồng	82.284,51									Sở Tài chính
3	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	4.650									Cục Thống kê
4	Cơ cấu kinh tế (Tổng VA)	%	100									
	- Nông lâm nghiệp thủy sản	%	37,25									
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	28,9									
	- Dịch vụ	%	33,85									Sở Công Thương
5	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	80.000									Sở Công Thương
6	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	630									Cục Thống kê
7	GRDP bình quân đầu người đến năm cuối kỳ	Triệu đồng/người/năm	54,4									Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê
8	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm	Tỷ đồng	104.640									Sở Nông nghiệp và PTNT
9	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	70									

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016-2020	THỰC HIỆN TỪNG NĂM					THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016- 2020	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN VỚI MỤC TIÊU 2016-	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025	CƠ QUAN BÁO CÁO
				2016	2017	2018	2019	2020				
	- Lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới	*xã*										Sở Nông nghiệp và PTNT
10	Tỷ lệ đô thị hóa	%										Sở Xây dựng
11	Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung,...											
B	**VỀ XÃ HỘI**											
1	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2016 - 2020)	%	7									Sở Lao động Thương binh và Xã hội
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số											*Sở Lao động Thương binh và Xã hội*
	- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đối với các huyện nghèo											*Sở Lao động Thương binh và Xã hội*
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hằng năm	%	1,2									Sở Y tế
3	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	89,00									Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi trung học cơ sở	%	91,50									Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	50,00									Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	%	100									Sở Công thương
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	55									Sở Lao động Thương binh và Xã hội

	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016-2020	THỰC HIỆN TỪNG NĂM					THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016- 2020	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN VỚI MỤC TIÊU 2016-	DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025	CƠ QUAN BÁO CÁO
				2016	2017	2018	2019	2020				
8	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	25.500									Sở Lao động Thương binh và Xã hội
9	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	61,3									Sở Y tế
10	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	8									Sở Y tế
11	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường bệnh	27,4									Sở Y tế
12	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	91,05									Sở Y tế
13	Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung,...											
C	**VỀ MÔI TRƯỜNG**											
1	Diện tích rừng trồng mới hằng năm và độ che phủ của rừng											Sở Nông nghiệp và PTNT
	- Rừng trồng mới hằng năm	ha	800									
	- Độ che phủ của rừng	%	46,6									
2	Tỷ lệ dân cư thành thị được cung cấp nước sạch	%	>99									Sở Xây dựng
3	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	95									Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	95									Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung,...											

Phụ lục II

DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC CH ƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN THUỘC CH ƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN T ỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Chỉ thị số /CT-UBND ng ày tháng năm 2020 c ủa Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	TÊN ĐỀ ÁN/ CH ƯƠNG TRÌNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	HÌNH THỨC VĂN BẢN
1						
2						
3						
...						